

Số: 39 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 21 tháng 5 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội  
huyện Việt Yên giai đoạn 2007 - 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên tại Tờ trình số 34/TTr - UBND ngày 17/3/2008 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Việt Yên giai đoạn 2007 - 2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Việt Yên giai đoạn 2007 - 2020 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với nội dung chủ yếu như sau:

**I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

**1. Quan điểm phát triển**

- Phát triển nằm trong định hướng chung của tỉnh;
- Phát triển nhanh đảm bảo tính hiệu quả và bền vững theo định hướng về cơ cấu kinh tế là: Công nghiệp- xây dựng; Thương mại - dịch vụ; Nông - lâm - thủy sản; quan tâm xoá đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống vật chất và tinh thần cho người dân; đẩy nhanh quá trình đô thị hoá gắn với xây dựng nông thôn mới;
- Phát huy cao độ tiềm năng, lợi thế của huyện; tranh thủ tối đa nguồn lực từ bên ngoài kết hợp với huy động và sử dụng nội lực có hiệu quả, tạo ra bước đột phá về tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa Việt Yên trở thành một trong những huyện trọng điểm về phát triển kinh tế của tỉnh;
- Phát triển giáo dục đào tạo và dạy nghề đi trước một bước;
- Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo an ninh, quốc phòng

**2. Mục tiêu phát triển**

**2.1. Mục tiêu tổng quát**

Huy động tối đa tiềm năng tại chỗ, phát huy mạnh mẽ nguồn nội lực, đặc biệt là vốn, đất đai, lao động và hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, tranh thủ mọi khả năng về hợp tác, đầu tư trong và ngoài nước nhằm thu hút vốn, công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý và kiến thức khoa học kỹ thuật tiên tiến, tạo ra sức bật mới đưa Việt Yên trở thành huyện công nghiệp, đầu tàu phát triển kinh tế của tỉnh; đồng thời giải quyết tốt các vấn đề về xã hội, môi trường.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

### **\* Về phát triển kinh tế**

#### **- Giai đoạn 2007 - 2010**

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 13,7%, trong đó tốc độ tăng trưởng của nhóm ngành nông nghiệp là 4,5%, nhóm ngành công nghiệp - xây dựng là 17%, nhóm ngành dịch vụ là 16%. Cơ cấu 3 nhóm ngành nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ vào năm 2010 là: 20,4% - 55,5% - 24,1%. Giá trị sản xuất bình quân/người/năm đạt 23,4 triệu đồng vào năm 2010.

#### **- Giai đoạn 2011 - 2015**

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 15,4%, trong đó tốc độ tăng trưởng của nhóm ngành nông nghiệp là 4%; nhóm ngành công nghiệp xây dựng là 17,5%; nhóm ngành dịch vụ là 18%. Cơ cấu 3 nhóm ngành nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ vào năm 2015 là: 17% - 54,4% - 28,6%. Giá trị sản xuất bình quân/người/năm đạt 49 triệu đồng vào năm 2015.

#### **- Giai đoạn 2016 - 2020**

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 17,8%, trong đó tốc độ tăng trưởng của nhóm ngành nông nghiệp là 3,5%; nhóm ngành công nghiệp - xây dựng là 19%; nhóm ngành dịch vụ là 20%. Cơ cấu 3 nhóm ngành nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ vào năm 2020 là: 9,8% - 54,5% - 35,7%. Giá trị sản xuất bình quân/người/năm đạt 77,3 triệu đồng vào năm 2020.

### **\* Về phát triển xã hội**

- **Đến năm 2010:** Đạt phổ cập giáo dục trung học; số trường học đạt chuẩn Quốc gia chiếm 60%; 75% các trường học được kiên cố hoá; giảm tỷ lệ tăng dân số xuống còn dưới 1%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50%; 100% các xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 10%; 85% các xã, thị trấn có đầy đủ các thiết chế văn hoá, tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hoá” đạt 80%; số trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 20%;

- **Đến năm 2015 :** Số trường đạt chuẩn Quốc gia chiếm 75%; 85% các trường học được kiên cố hoá; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 5%; 95% các xã có đầy đủ các thiết chế văn hoá, tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hoá” đạt 85%; số trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 15%;

- **Đến năm 2020:** Số trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 95%; 100% các trường học được kiên cố hoá; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 3%; 100% các xã có đầy đủ các thiết chế văn hoá, tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hoá” đạt 90%; số trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 10%;

### **\* Về môi trường**

Tạo sự chuyển biến cơ bản trong nhận thức của nhân dân về bảo vệ môi trường. Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường. Bảo vệ và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường và cân bằng sinh thái. Các đô thị và khu công nghiệp đều được xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn chất lượng môi trường Việt Nam.

- *Đến năm 2010* : Tỷ lệ dân số thành thị được dùng nước hợp vệ sinh là 95%, nông thôn là 85%; tỷ lệ gia đình có hố xí hợp vệ sinh đạt 80%; tỷ lệ chất thải được xử lý tại thị trấn, thị tứ, khu công nghiệp đạt trên 60%; tỷ lệ chất thải được xử lý tại khu vực nông thôn đạt trên 50%.

- *Đến năm 2015* : Tỷ lệ gia đình có hố xí hợp vệ sinh đạt 90%; tỷ lệ chất thải được xử lý tại thị trấn, thị tứ, khu công nghiệp đạt trên 80%; tỷ lệ chất thải được xử lý tại khu vực nông thôn đạt trên 70%.

- *Đến năm 2020* : Toàn bộ số dân được dùng nước hợp vệ sinh; tỷ lệ gia đình có hố xí hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ chất thải được xử lý tại thị trấn, thị tứ, khu công nghiệp đạt trên 90%; tỷ lệ chất thải được xử lý tại khu vực nông thôn đạt trên 80%; 100% các cơ sở sản xuất áp dụng công nghệ sạch; 100% chất thải y tế đạt tiêu chuẩn môi trường.

#### **\* Về quốc phòng an ninh**

Phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành và quân chúng nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC**

### **1. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (TTCN) và xây dựng**

#### **1.1. Mục tiêu phát triển**

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 17% (2007-2010); 17,5% (2011-2015) và 19% (2016-2020).

- Cơ cấu giá trị sản xuất: 55,5% (năm 2010); 54,4% (năm 2015) và 54,5%(năm 2020).

- Thu hút khoảng 25 nghìn lao động vào năm 2010; 40 nghìn lao động năm 2015 và 80 nghìn lao động năm 2020. Tỷ lệ lao động chiếm 27,3% vào năm 2010; 36,1% năm 2015 và 45,9% năm 2020.

#### **1.2. Định hướng phát triển**

##### **a) Định hướng chung**

- Phát triển công nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị điện tử công nghệ cao, cơ khí lắp ráp, công nghiệp chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng; cơ khí chế tạo máy và cung cấp các loại sản phẩm cho đóng tàu biển, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng...

- Phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động như: công nghiệp dệt, may, da, cơ khí nhỏ ở các cụm công nghiệp.

- Đến năm 2020, phần đầu ít nhất 70% các cơ sở công nghiệp trên địa bàn huyện được lấp đầy.

##### **b) Phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn**

+ Quy hoạch khu công nghiệp Quang Châu với tổng diện tích 615ha. Thực hiện trong 2 giai đoạn: giai đoạn 1 là 426ha, giai đoạn 2 là 189ha.

+ Quy hoạch khu công nghiệp Vân Trung với tổng diện tích 433ha (trong đó có 90ha thuộc huyện Yên Dũng).

+ Quy hoạch khu công nghiệp dọc Quốc lộ 37 với diện tích 400ha.

- + Quy hoạch cụm công nghiệp Hoàng Mai với diện tích 19,03ha.
- + Quy hoạch cụm công nghiệp Việt Hàn với diện tích 100ha.
- + Mở rộng cụm công nghiệp Hồng Thái 8ha.
- + Quy hoạch các cụm công nghiệp nhỏ lẻ, phân tán ở các xã khoảng 117 ha.

*c) Phát triển TTCN và ngành nghề nông thôn*

- Đầu tư nâng cao chất lượng rượu làng Vân; mì, bánh đa nem làng Thổ Hà;
- Mở rộng sản xuất hàng mây tre đan ra một số xã lân cận lấy trung tâm là xã Tăng Tiến. Nâng cao chất lượng, đa dạng mẫu mã, xây dựng thương hiệu nhằm ổn định thị trường xuất khẩu.

- Có cơ chế hỗ trợ khôi phục nghề truyền thống và phát triển nghề có lợi thế cạnh tranh đang có nguy cơ bị mai một như gốm Thổ Hà, gốm sứ Quảng Minh.

- Đầu tư công nghệ, dạy nghề, phát triển và nhân rộng đồng thời thúc đẩy những nghề thủ công khác như sản xuất bàn ghế, tủ gỗ, làm mỳ, đậu phụ...

- Khuyến khích tạo điều kiện hình thành các doanh nghiệp, các HTX ngành nghề nông thôn, du nhập nghề mới.

**2. Phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch**

*2.1. Mục tiêu*

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân 16% (2007-2010); 18% (2011-2015); 20% (2016-2020);

- Cơ cấu giá trị sản xuất: 24,2% (năm 2010); 28,6%(năm 2015); 35,8%(năm 2020);

- Thu hút khoảng 23,5 nghìn lao động vào năm 2010; 30,7 nghìn lao động năm 2015 và 62,2 nghìn lao động năm 2020. Tỷ lệ lao động chiếm 25,8% vào năm 2010; 27,7%, năm 2015 và 35,3%, năm 2020.

- Tạo bước phát triển quan trọng về chất lượng các loại hình dịch vụ.

**2.2. Định hướng phát triển**

*a) Hệ thống chợ*

- + Đầu tư cải tạo, nâng cấp các chợ Quán Rãnh, Cầu Treo, Chàng, Nhảm, Hồng Thái, Bài, Vân, Nénh; đầu tư, di chuyển chợ Bích Động; mở rộng chợ Phúc Tăng.

- + Quy hoạch chợ dịch vụ các xã: Quang Châu, Hồng Thái, Yên Viên, Bích Sơn, thôn Chằm, Biền Tim, thôn Vàng, thôn Chùa.

*b) Siêu thị, trung tâm thương mại*

- + Quy hoạch và xây dựng trung tâm thương mại cụm dân cư khu công nghiệp Quang Châu, trung tâm thương mại khu dân cư Đình Trám - Sen Hồ, trung tâm thương mại thị trấn Bích Động.

- + Xây dựng 3 siêu thị tại trung tâm Thị trấn Bích Động, khu công trường Cao đẳng Nông - Lâm và trung tâm Thị trấn Nénh.

*c) Du lịch*

- + Xây dựng chi tiết các hạng mục khu du lịch Bắc sông Cầu - chùa Bồ Đà gắn với hành trình văn hoá qua các làng gốm cổ vùng Đông Bắc châu thổ sông Hồng.

- + Từng bước phát triển du lịch sinh thái; quảng bá tiếp thị làng nghề, xây dựng, phát triển mở rộng các loại hình vui chơi giải trí, cải tạo tài nguyên thiên nhiên.

+ Xây dựng 1 sân golf tại Vân Trung.

#### **d) Dịch vụ**

Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ xã hội như: bảo hiểm, y tế, ngân hàng, tín dụng, vận tải, thông tin liên lạc, dịch vụ đào tạo, tư vấn pháp luật... Chú trọng các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp như cung cấp vật tư, giống cây trồng, vật nuôi, bảo vệ thực vật, thú y...

### **3. Phát triển nông lâm nghiệp - thủy sản**

#### **3.1. Mục tiêu**

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 4,5% giai đoạn 2007-2010; 4% giai đoạn 2011-2015 và 3,5% giai đoạn 2016-2020.

- Cơ cấu giá trị sản xuất: 20,4% (năm 2010); 17% (năm 2015) và 9,8% (năm 2020).

- Giá trị sản xuất bình quân/ha đất nông nghiệp đạt khoảng 42,7 triệu đồng/năm (năm 2010); 55,3 triệu đồng/năm (năm 2015) và 71 triệu đồng/năm (năm 2020).

- Lao động nông nghiệp còn 42,9 nghìn lao động (năm 2010); 40,3 nghìn lao động (năm 2015) và 33,2 nghìn lao động (năm 2020). Tỷ trọng lao động chiếm 47% (năm 2010); 36,3% (năm 2015) và 18,8% (năm 2020)

#### **3.2. Định hướng phát triển**

- Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa các giống cây con mới vào sản xuất để nâng cao năng suất và chất lượng nông sản hàng hoá.

- Phát triển mạnh kinh tế trang trại, hợp tác xã dịch vụ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nông thôn để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hoá.

- Quy hoạch phát triển sản xuất:

+ Sản xuất cây lương thực (lúa, ngô): tập trung ở các xã có địa hình thấp có diện tích trồng lúa cao là Quảng Minh, Tụ Lạn, Tiên Sơn, Thượng Lan, Trung Sơn. Tổng diện tích gieo trồng dự kiến khoảng 9.451,58ha vào năm 2020.

+ Sản xuất rau, màu: Phát triển rau màu nhằm phục vụ người dân và công nghiệp chế biến, tập trung tại các xã Ninh Sơn, Bích Sơn, TT Bích Động, Việt Tiến, Hương Mai, Tụ Lạn, Trung Sơn. Dự kiến tổng diện tích gieo trồng khoảng 6.725,8ha vào năm 2020.

+ Sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày (lạc, đậu tương): Vùng trọng điểm sản xuất ở các xã Ninh Sơn, Tiên Sơn, Việt Tiến, Tụ Lạn, Minh Đức. Dự kiến tổng diện tích gieo trồng khoảng 1.400ha vào năm 2020.

+ Sản xuất hoa, cây cảnh: Phát triển tại các xã Việt Tiến, Bích Sơn, Hồng Thái, Thị trấn Bích Động. Dự kiến tổng diện tích khoảng 10,2ha vào năm 2020.

- Chăn nuôi lợn: Phát triển rộng khắp tại các hộ trên địa bàn huyện. Tập trung cải tạo đàn lợn theo hướng nạc hoá nhằm tăng chất lượng và giá trị hàng hoá, đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Chăn nuôi bò: Phát triển theo hướng tăng tỷ lệ đàn bò lai để tăng trọng lượng và nâng cao chất lượng thịt thương phẩm.

- Chăn nuôi gia cầm: nâng cao năng suất, chất lượng thịt và trứng thương phẩm.

- Nuôi trồng thủy sản: Tập trung cải tạo, khai thác triệt để mặt nước nuôi trồng thủy sản theo phương thức nuôi thâm canh và bán thâm canh với các giống có năng suất và chất lượng cao tại các xã Hồng Thái, Hương Mai, Quảng Minh, Tụ Lạn...

#### **IV. VỐN ĐẦU TƯ**

1. Dự tính tổng nhu cầu vốn đầu tư huyện Việt Yên trong thời kỳ 2007 - 2020 khoảng 22.406 tỷ đồng, trong đó:

- Giai đoạn 2007-2010: 1.888 tỷ đồng, bình quân 472 tỷ đồng/năm;
- Giai đoạn 2011-2015: 5.765 tỷ đồng, bình quân 1.153 tỷ đồng/năm;
- Giai đoạn 2016-2020: 14.753 tỷ đồng, bình quân 2.951 tỷ đồng/năm.

2. Dự kiến nguồn vốn: Nguồn ngân sách chiếm 8%; vốn tích lũy từ các doanh nghiệp chiếm 25%; Vốn nước ngoài chiếm 55%; vốn khác chiếm 12%.

#### **V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Giải pháp huy động vốn đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư**

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào sản xuất, phát triển;
- Tăng mức tiết kiệm trong dân, huy động sức dân tham gia phát triển kết cấu hạ tầng và đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh;
- Nâng cao nhận thức và tăng cường trách nhiệm của cán bộ công chức trong việc giải quyết công việc liên quan, tạo môi trường thân thiện, hợp tác với các nhà đầu tư, doanh nhân;
- Sử dụng vốn, quản lý vốn theo quy trình, tránh lãng phí, thất thoát, sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả.

**2. Phát triển nguồn nhân lực**

Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước, quản lý doanh nghiệp và người sản xuất đồng thời tạo mọi điều kiện nhằm trọng dụng, thu hút nguồn lực chất xám, lao động có tay nghề, đáp ứng nhu cầu lao động có trình độ cao cho nền kinh tế; tạo động lực phát triển sản xuất kinh doanh ở các khu công nghiệp và các khu sản xuất trọng điểm nông nghiệp.

**3. Giải pháp về khoa học công nghệ và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường**

- Đổi mới, nâng cao trình độ khoa học công nghệ của các ngành sản xuất, dịch vụ theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tăng cường sức cạnh tranh.

- Sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn tài nguyên làm cơ sở phát triển các lĩnh vực, phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

**4. Giải pháp về phát triển nông nghiệp nông thôn và nông dân**

- Thực hiện đào tạo nghề cho người nông dân để chuyển lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ; thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.

- Quy hoạch lại các làng nghề truyền thống trên địa bàn, chọn ra những ngành nghề có tiềm năng, thế mạnh để phát triển thành các làng nghề quy mô lớn.

- Tận dụng triệt để nguồn lực, khai thác lợi thế so sánh về khoa học, kỹ thuật, lao động nhằm phát triển cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hoá cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

**5. Giải pháp về phát triển lĩnh vực văn hoá, xã hội**

- Đẩy mạnh xã hội hoá các lĩnh vực: Giáo dục, y tế, văn hoá thông tin và thể dục thể thao;

- Giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá và lịch sử truyền thống; đầu tư, tôn tạo, tu bổ các di tích lịch sử.

**6. Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch**

Công khai hoá quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Cụ thể hoá quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm và hàng năm. Thực hiện tốt cơ chế giám sát, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch sau mỗi kỳ 5 năm.

**Điều 2.** Quyết định phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Việt Yên giai đoạn 2007 - 2020" là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác), các dự án đầu tư trên địa bàn huyện Việt Yên.

Giao Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên căn cứ những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện được nêu trong Quy hoạch này, phối hợp với các Sở, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định.

Các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm quan tâm, tạo điều kiện giúp huyện Việt Yên đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội qua các chương trình, dự án đầu tư và thu hút đầu tư địa bàn huyện Việt Yên theo định hướng Quy hoạch này.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Kho bạc nhà nước tỉnh, UBND huyện Việt Yên và các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (2b), TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, TH, NN, XD, KT;
- Lưu: VT, TH.

**TM. UBND TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đăng Khoa**